

PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG THEO GIỚI TRONG GIA ĐÌNH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH^(*)

Nguyễn Hữu Minh

Nguyễn Thị Phương

Tóm tắt: Bình đẳng giới là mục tiêu thứ 5 trong các Mục tiêu Phát triển bền vững do tổ chức Liên Hợp quốc đề ra, cũng là mục tiêu thứ 5 trong các Mục tiêu Phát triển bền vững của Việt Nam. Theo đó, bảo đảm bình đẳng trong phân công lao động giữa vợ và chồng trong công việc gia đình là một nội dung quan trọng để thực hiện bình đẳng giới nói chung. Dựa trên số liệu khảo sát 1.128 hộ gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh, bài viết phân tích thực trạng phân công lao động theo giới trong các gia đình. Các phân tích hai biến và đa biến được áp dụng. Kết quả cho thấy, đã có sự chia sẻ nhiều hơn của cả hai vợ chồng đối với các công việc vốn thuộc về giới này hay giới kia. Tuy nhiên, tính đặc thù giới vẫn tồn tại. Lượng thời gian dành cho công việc gia đình hàng ngày của phụ nữ vẫn cao hơn đáng kể so với nam giới. Đáng quan tâm là đại bộ phận người trả lời hài lòng với sự phân công lao động hiện tại. Điều này cho thấy, sự bảo lưu văn hoá và tính ổn định kéo dài của khuôn mẫu phân công lao động theo giới.

Từ khóa: Bình đẳng giới; Gia đình; Phân công lao động theo giới.

1. Bối cảnh nghiên cứu

Phân công lao động giữa vợ và chồng là một chỉ báo quan trọng đo lường mức độ bình đẳng giới trong gia đình và do đó, ảnh hưởng tới việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Một trong những nguyên nhân cơ bản của bất bình đẳng giới ở Việt Nam liên quan đến việc gán chặt phụ nữ vào vai trò chăm sóc gia đình, bắt nguồn từ quan niệm rằng đó là “thiên chức” của người phụ nữ. Để làm tròn vai trò chăm sóc gia đình, nhiều phụ nữ đã mất cơ hội trong học tập, sự nghiệp, tham gia các hoạt động xã hội và lãnh đạo, quản lý (ISDS,

2015). Chính vì lý do đó, trong Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới 2011-2020, Mục tiêu 6 về Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới đã xác định: “Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 2 lần vào năm 2015 và xuống 1,5 lần vào năm 2020” (Thủ tướng Chính phủ, 2010). Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, trong đó nêu ra Mục tiêu 5.4 về “Bảo đảm bình đẳng trong việc nội trợ và chăm sóc gia đình; công nhận việc nội trợ và các chăm sóc không được trả phí; tăng cường các dịch vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và các chính sách bảo trợ xã hội, các dịch vụ hỗ trợ gia đình, chăm sóc trẻ em.”.

* Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ “Nghiên cứu đánh giá thực trạng và vai trò gia đình trong việc thực hiện bình đẳng giới tại thành phố Hồ Chí Minh” do TS. Nguyễn Thị Phương là Chủ nhiệm và được hỗ trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ TP. Hồ Chí Minh.

Như vậy, việc phân đầu để đạt được sự phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình một cách bình đẳng hơn là một mục tiêu rất quan trọng trong thời gian qua và những năm sắp tới. Trong thập niên qua, Nhà nước và cả xã hội đã cùng chung tay thực hiện mục tiêu này. Mỗi quan hệ vợ chồng trong phân công các công việc gia đình đã có những biến đổi nhất định, thể hiện ở sự gia tăng tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng tham gia công việc gia đình. Đồng thời, ở một số công việc như chăm sóc người già/người ốm, thay mặt gia đình giao tiếp với chính quyền, tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng làm chính các công việc này đã cao hơn (Nguyễn Hữu Minh, 2014; Nguyễn Xuân Thắng, 2019; Nguyễn Hữu Minh, 2020; v.v.). Đây là dấu hiệu đáng mừng thể hiện sự chia sẻ giữa hai giới trong các công việc gia đình.

Tuy nhiên, việc thực hiện mục tiêu này còn gặp nhiều khó khăn. Kết quả các khảo sát có quy mô lớn cũng như các nghiên cứu chuyên sâu trong những năm vừa qua đã chỉ ra sự bảo lưu của khuôn mẫu phân công lao động theo giới truyền thống trong các gia đình. Người phụ nữ và nam giới thường gắn với các loại công việc được coi là phù hợp với giới của mình. Chẳng hạn, người phụ nữ/người vợ thường chăm lo về công việc nội trợ, quản lý chi tiêu trong gia đình, chăm sóc người già/người ốm, trẻ em, trong khi đó người đàn ông/người chồng chịu trách nhiệm với việc thay mặt gia đình giao tiếp với chính quyền hay bảo trì, sửa chữa các đồ dùng trong gia đình. Sau gần 10 năm thực hiện Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới, mục tiêu 6.1 về thu hẹp khoảng cách thời gian làm công việc nhà giữa nam và nữ vẫn chưa đạt được. Theo kết quả Điều tra Lao động việc làm năm 2019, thời gian làm việc nhà của phụ nữ còn cao gấp 2,1 lần so với nam giới (Tổng cục Thống kê,

2020).² Đồng thời, sự biến đổi phân công lao động theo giới theo xu hướng tích cực diễn ra chưa đồng đều ở tất cả các loại hình công việc và các nhóm xã hội.

Các nghiên cứu cho thấy, sự phân công lao động theo giới trong gia đình có thể thay đổi tùy theo lứa tuổi; học vấn; khu vực sống; sự đóng góp thu nhập và quan niệm về giới. Chẳng hạn, nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh (2014) cho thấy, tỷ lệ người vợ làm các công việc nội trợ cao hơn ở các gia đình trẻ, trong khi ở gia đình lớn tuổi thì có sự tham gia cao hơn của người chồng. Đồng thời, người vợ có học vấn cao hơn thì tỷ lệ người vợ chịu trách nhiệm chính trong việc tiếp khách cũng cao hơn và sự chia sẻ của cả hai vợ chồng tăng lên. Một trong những lý do là những người có học vấn cao hơn thì ít có định kiến giới hơn trong các công việc gia đình nên sẵn sàng tham gia công việc nhà hơn. Phát hiện này về vai trò của yếu tố học vấn cũng được chỉ ra ở một nghiên cứu có quy mô quốc gia trước đó (Bộ VH, TT&DL và các cơ quan khác, 2008: 78).

Nhìn chung, người chồng trong các gia đình đô thị tham gia làm các công việc nội trợ nhiều hơn so với các gia đình nông thôn mặc dù sự khác biệt không lớn. Ngoài ra, sự có mặt của người giúp việc ở nhiều gia đình đô thị là yếu tố giúp giảm bớt công việc nội trợ của người mẹ, người vợ trong gia đình (Lê Thái Thị Băng Tâm, 2008; Nguyễn Xuân Thắng, 2019).

Về vai trò đóng góp vào thu nhập gia đình, Nguyễn Hữu Minh (2016) chỉ rõ, khi thu nhập của người chồng cao hơn rõ rệt so với người vợ thì người vợ thường có xu hướng đảm nhiệm các công việc gia đình để tạo điều kiện cho người chồng thực hiện công việc chính,

² Hàng tuần phụ nữ dành gần 39 giờ trong một tuần cho lao động sản xuất và 18,9 giờ cho việc nhà, trong khi đó nam giới dành 40 giờ cho lao động sản xuất và 8,9 giờ làm việc nhà.

nhằm tối đa hóa thu nhập chung của cả hộ gia đình. Khi người vợ có thu nhập cao hơn hoặc bằng người chồng thì bản thân mỗi thành viên sẽ phải cân nhắc lại sự phân công lao động trong gia đình để làm thế nào duy trì và nâng cao thu nhập chung. Khi đó, người chồng có thể tham gia nhiều hơn vào công việc gia đình.

Quan niệm truyền thống về vai trò giới có ý nghĩa chi phối rất lớn đối với sự phân công lao động trong gia đình (Nguyễn Hữu Minh, 2016). Theo quan niệm này, những công việc gia đình phải do phụ nữ đảm nhiệm bất kể là trong loại gia đình nào. Quan niệm này không chỉ thể hiện ở nam giới mà cả ở phụ nữ. Nhiều người cho rằng, một gia đình hạnh phúc thì không thể thiếu một người vợ đảm đang trong công việc nội trợ, biết thu vén mọi công việc gia đình.

Như vậy, phân công lao động theo giới trong đời sống gia đình có một khuôn mẫu chung nhưng cũng thể hiện sự đa dạng tùy theo địa bàn nghiên cứu và các nhóm xã hội. Thành phố Hồ Chí Minh có mức độ đô thị hóa thuộc loại cao nhất ở Việt Nam, đồng thời là một trung tâm kinh tế và khoa học. Các gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh vì vậy được chờ đợi là ít có khác biệt giới hơn trong phân công lao động. Tuy nhiên, hiện có rất ít nghiên cứu quan tâm về vấn đề này ở địa phương. Một số kết quả nghiên cứu có được một số năm trước đây cho thấy, quan niệm của người dân vẫn cho rằng công việc nội trợ, chăm sóc con cái trong gia đình là việc làm của nữ, điều này dẫn đến sự phân chia công việc thiếu bình đẳng.³ Bài viết này sẽ cung cấp một bức tranh cập nhật hơn và phân tích sâu hơn về tình hình phân công lao động theo giới ở thành phố Hồ

Chí Minh theo các nhóm xã hội, góp phần nhìn nhận rõ hơn việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của đất nước tại thành phố lớn nhất nước.

Câu hỏi đặt ra là sự phân công lao động theo giới trong các công việc gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh thể hiện như thế nào? Có sự tương đồng và khác biệt gì giữa các nhóm xã hội về khuôn mẫu đó?

2. Nguồn số liệu, lý thuyết và phương pháp phân tích

Bài viết dựa trên số liệu khảo sát năm 2020 của đề tài “Nghiên cứu đánh giá thực trạng và vai trò gia đình trong việc thực hiện bình đẳng giới tại thành phố Hồ Chí Minh” do Phân hiệu Trường Đại học Nội vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì, với dung lượng mẫu là 1.128 đại diện gia đình đã kết hôn, tuổi 18-60 tại 2 huyện Hóc Môn, Cần Giuộc và 4 quận 8, 9, 10, và Gò Vấp. Do yêu cầu phân tích của từng vấn đề, mẫu sẽ được lựa chọn khác nhau, trình bày cụ thể ở các phân tích phân sau.

Những gợi ý từ các lý thuyết hiện đại hóa, lý thuyết trao đổi xã hội, và cách tiếp cận văn hóa được vận dụng để kiểm chứng ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa đến khuôn mẫu phân công lao động và quyền ra quyết định trong gia đình. Lý thuyết Hiện đại hóa (Goode 1963, 1987) gợi ý rằng, quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa với sự tăng lên của học vấn và mức độ đô thị hóa sẽ góp phần giảm bớt sự khác biệt giới truyền thống trong phân công lao động và quyền ra quyết định trong gia đình. Những người trẻ tuổi được xem là những người đi tiên phong trong việc tiếp nhận cái mới, họ mang những đặc trưng hiện đại hơn và do đó, cũng được giả định là sẽ thực hành mối quan hệ bình đẳng hơn trong phân công lao động gia đình. Lý thuyết trao đổi xã hội (Schwartz và Scott, 1994) lý giải rằng, thành viên gia đình nào cung cấp nhiều

³ Báo cáo của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 (số 10/BC-BVSTBPNTTP ngày 20/4/2020)

nguồn lực nhất thì người đó có quyền lực nhất. Như vậy, khi người phụ nữ có thu nhập cao thì mô hình phân công việc nhà giữa họ và chồng cũng có thể thay đổi. Họ có thể sẽ làm ít công việc nhà hơn. Điều này cũng giải thích cho tình trạng chậm thay đổi của khuôn mẫu phân công lao động trong gia đình khi phần lớn người chồng có thu nhập cao hơn vợ, vì vậy họ được cho là nên tiếp tục các công việc kiếm thu nhập đó, để các công việc nội trợ cho người vợ làm. Đây có thể được gọi là quan điểm “tối ưu hóa lợi ích gia đình” (Nguyễn Hữu Minh, 2016).

Tuy nhiên, ảnh hưởng của các yếu tố nêu trên còn tùy thuộc vào nền tảng văn hóa của xã hội. Ở xã hội Việt Nam truyền thống, việc nội trợ được coi là “thiên chức” của phụ nữ, còn nam giới phải làm việc quan trọng. Định kiến giới này khiến cho nhiều thành viên gia đình và cả người vợ, cho dù có ưu thế hơn về học vấn, thu nhập vẫn sẽ tuân theo khuôn mẫu phân công lao động truyền thống. Nói cách khác, sự bảo lưu của văn hóa truyền thống có thể tác động kìm hãm sự thay đổi khuôn mẫu giới về phân công lao động đối với nhiều người dân. Văn hóa truyền thống được chờ đợi sẽ bảo lưu mạnh hơn ở các nhóm nhiều tuổi, học vấn thấp và sống ở khu vực nông thôn.

Căn cứ vào gợi ý từ các lý thuyết trên, phân tích dưới đây sử dụng một số biến số độc lập nhằm kiểm chứng những giả thuyết liên quan đến vai trò của các yếu tố hiện đại hoá và văn hoá (biến số học vấn, khu vực cư trú ở đô thị hay nông thôn, và lứa tuổi từ 40 trở xuống hay 41 trở lên) hay so sánh vị thế về nguồn lực (thu nhập của vợ hay chồng cao hơn). Bên cạnh các phân tích hai biến, bài viết đã sử dụng một số mô hình đa biến nhằm xác định rõ hơn vai trò của từng yếu tố tác động đến khuôn mẫu phân công lao động.

Những hoạt động/công việc trong gia đình ở bài viết này tập trung vào những công việc

phục vụ nhu cầu gia đình hàng ngày và một số hoạt động ít thường xuyên hơn. Danh sách các công việc này được nêu cụ thể ở các bảng phân tích phần tiếp theo.

Phân tích về phân công lao động theo giới trước hết mô tả bức tranh về thực trạng, tiếp đó sẽ tìm hiểu về sự tương đồng hay khác biệt theo các nhóm xã hội.

3. Thực trạng phân công lao động theo giới trong gia đình

3.1. Phân công trong công việc hàng ngày

Phân công lao động trong các công việc hàng ngày là một trong các chỉ báo thể hiện rõ nhất sự bình đẳng/bất bình đẳng đối với phụ nữ khi mà người phụ nữ được quy gán cho “thiên chức” là người thực hiện các công việc này. Chính gánh nặng lao động kép (cả sản xuất, kinh doanh tạo thu nhập và công việc gia đình hàng ngày) đè lên vai người phụ nữ đã làm cho sự cống hiến của họ đối với xã hội bị hạn chế, họ ít có cơ hội hơn tham gia vào các công việc xã hội.

Để thuận lợi cho việc tìm hiểu sự phân công lao động giữa vợ và chồng, phân tích dưới đây được thực hiện cho các gia đình mà chỉ có người vợ hay người chồng làm chính (tức là không tính các gia đình có sự tham gia của ông bà hay người giúp việc). Sự phân bố người thực hiện chính các công việc này trong gia đình như sau thể hiện trong Bảng 1.

Có 5 loại hình công việc hàng ngày mà sự phân biệt giữa vợ và chồng thể hiện rõ rệt nhất. Đó là các hoạt động mua thức ăn; nấu ăn hàng ngày; dọn dẹp nhà; và giặt đồ (người vợ làm là chính) và hoạt động bảo trì, sửa chữa đồ dùng gia đình (người chồng làm là chính). Tuy nhiên, ở 5 hoạt động này, mức độ tham gia giữa vợ và chồng có khác nhau. Với hai hoạt động Mua thức ăn và Nấu ăn hàng ngày, tỷ lệ làm chính của vợ so với chồng chênh lệch cao hơn hai hoạt động còn lại, đồng thời tỷ lệ cả

hai vợ chồng cùng làm chính là thấp hơn. Đây là hai công việc rất đặc trưng cho phụ nữ. Đối với việc Bảo trì, sửa chữa đồ dùng, sự chênh

lệch giữa chồng và vợ là rất lớn, tỷ lệ người chồng làm chính cao hơn người vợ khoảng 40 điểm phần trăm.

BẢNG 1. PHÂN CÔNG CÁC CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH HÀNG NGÀY THEO VỢ - CHỒNG (%)

Các công việc gia đình hàng ngày	Chồng	Vợ	Hai vợ chồng	N
a. Mua thức ăn	25,2	47,1	27,7	1.057
b. Nấu ăn hàng ngày	30,1	46,7	23,2	1.026
c. Dọn dẹp nhà	25,1	37,5	37,4	1.000
d. Giặt đồ	28,7	35,2	36,1	1.008
e. Chăm sóc người già/người ốm	19,3	22,0	58,7	799
f. Chăm sóc trẻ em (con cái)	19,6	20,7	59,7	981
g. Đưa đón con đi học	24,8	20,7	54,5	975
h. Dạy, hướng dẫn, lo việc học của con	25,0	24,6	50,4	1.017
i. Bảo trì, sửa chữa đồ dùng gia đình (đồ điện, nước, xe cộ, bàn ghế, v.v.)	54,5	14,7	30,8	1.002

Nguồn: Kết quả khảo sát.

Các hoạt động chăm sóc trẻ em và người già/ốm có tỷ lệ chồng và vợ cùng làm chính là cao nhất, thậm chí tỷ lệ người chồng làm chính việc đưa đón con đi học còn cao hơn người vợ (dù khác biệt không quá lớn). Quan sát những cảnh đưa đón con đi học ở các cổng trường, nhất là ở vùng đô thị, cho thấy rất rõ điều đó. Việc đưa đón con đi học được coi là một công việc đòi hỏi sức khỏe và bảo đảm an toàn nên nam giới được huy động khá nhiều. Ngoài ra, các dữ liệu định tính cũng cho thấy, việc đưa đón con đi học thường khó kết hợp với việc nhà nên phụ nữ ít tham gia trực tiếp, trong khi nam giới có thể kết hợp lúc đi làm.

Do số lượng công việc gia đình mà người phụ nữ đảm nhiệm nhiều hơn hẳn so với các công việc do nam giới đảm nhiệm nên thời gian dành cho việc nhà nói chung ở người phụ nữ cao hơn là kết quả có thể thấy rõ. Tính chung, chênh lệch về thời gian hàng ngày người phụ nữ và nam giới dành cho các công

việc này là gần 1 tiếng đồng hồ, 2,54 giờ/ngày với nam và 3,51 giờ/ngày đối với nữ. Tuy nhiên, so với tỷ lệ chung của cả nước theo đánh giá của Điều tra Lao động việc làm năm 2019 thì khác biệt trong thời gian dành cho việc nhà giữa vợ và chồng ở các gia đình thành phố Hồ Chí Minh là nhỏ hơn.

3.2. Phân công theo các hoạt động không định kỳ

Ngoài các công việc hàng ngày, trong gia đình còn có những hoạt động không định kỳ nhưng rất quan trọng để duy trì cuộc sống. Chẳng hạn, thay mặt gia đình làm việc với chính quyền, cộng đồng; mua đồ dùng có giá trị cho gia đình (tủ, tivi, xe cộ, v.v.); lo việc giỗ, Tết; Quản lý thu chi các hoạt động chung của gia đình. Kết quả cho thấy, với một số hoạt động, khuôn mẫu truyền thống trong phân công lao động theo giới tiếp tục được bảo lưu. Người chồng vẫn là nhân vật chính, đại diện cho gia đình trong các mối quan hệ bên ngoài

(nam ngoại nữ nội), trong khi đó, người vợ tiếp tục là người quản lý thu chi cho các hoạt động chung của gia đình. Có lẽ, việc quản lý ngân quỹ chi tiêu gia đình chịu ảnh hưởng bởi quan niệm truyền thống: phụ nữ là nội tướng, là người được ủy quyền “tay hòm chìa khóa” trong các gia đình. Trách nhiệm quản lý ngân quỹ chi tiêu của gia đình được gán cho phụ nữ còn bởi tính tiết kiệm, chất chiu của phụ nữ, trong khi nam giới thì tiêu pha thoải mái hơn (theo phỏng vấn phụ nữ).

Việc giỗ, Tết hay mua sắm đồ dùng có giá trị cho gia đình có tỷ lệ hai vợ chồng cùng làm chính cao nhất. Tuy nhiên, tỷ lệ người vợ là người chịu trách nhiệm chính cho các việc giỗ, Tết là cao hơn so với người chồng, có lẽ vì những việc này đòi hỏi phải tính toán, mua sắm các đồ lễ, gắn với quản lý thu chi. Trong khi đó, với việc mua đồ giá trị cho gia đình thì người chồng vẫn có tỷ lệ là người thực hiện chính cao hơn. Nguyên nhân chính theo một số người được phỏng vấn cho biết là do người chồng có hiểu biết hơn đối với các đồ có giá trị lớn này vì liên quan đến kỹ thuật.

BẢNG 2. PHÂN CÔNG GIỮA VỢ VÀ CHỒNG THỰC HIỆN MỘT SỐ CÔNG VIỆC KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (%)

Công việc không thường xuyên	Chồng	Vợ	Hai vợ chồng	N
a. Thay mặt gia đình làm việc với chính quyền/cộng đồng	49,8	18,8	31,5	1.109
b. Mua đồ dùng có giá trị cho gia đình (tủ, tivi, xe cộ, v.v)	24,1	18,3	57,6	1.119
c. Lo các việc giỗ, Tết	17,1	25,0	57,9	1.041
d. Quản lý quỹ thu chi cho các hoạt động chung của gia đình	10,7	46,4	42,9	1.067

Nguồn: Kết quả khảo sát.

Như vậy, về cơ bản, phân công lao động theo giới trong các công việc gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh không khác biệt đáng kể so với khuôn mẫu chung ở các địa phương khác như đã bàn luận ở trên. Tuy nhiên, so sánh với bức tranh chung thì có thể thấy rằng, tỷ lệ các hoạt động trong gia đình có sự chia sẻ giữa vợ và chồng ở thành phố Hồ Chí Minh là cao hơn rõ rệt (Nguyễn Xuân Thắng, 2019). Kết quả này có thể phản ánh thực trạng của mức độ phát triển cao hơn ở thành phố Hồ Chí Minh so với các địa phương khác.

4. Sự tương đồng và khác biệt về phân công lao động theo giới

Sự tương đồng và khác biệt về phân công lao động theo giới trong gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh được phân tích theo một số đặc

điểm về học vấn, nghề nghiệp, khu vực (đô thị/nông thôn), và tương quan về đóng góp thu nhập. Đối với mỗi loại hình công việc gia đình hàng ngày và công việc không thường xuyên, bài viết chọn trình bày 1 loại hoạt động vốn do người vợ hay người chồng thường làm để minh họa. Cụ thể, một số hoạt động sau sẽ được phân tích: Dọn dẹp nhà (người vợ thường làm); Chăm sóc con (người vợ thường làm); Thay mặt gia đình làm việc với chính quyền/cộng đồng (người chồng thường làm). Để loại bỏ một số yếu tố có thể liên quan ngoài phạm vi quan hệ giữa hai vợ chồng, việc phân tích chỉ tập trung vào các gia đình sống 2 thế hệ. Kết quả phân tích được thể hiện ở Bảng 3.

BẢNG 3. PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG GIỮA VỢ VÀ CHỒNG TRONG CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH THEO MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Đặc điểm	Dọn dẹp nhà			Chăm sóc con			TM gia đình với CQ			N
	Chồng	Vợ	Cả hai	Chồng	Vợ	Cả hai	Chồng	Vợ	Cả hai	
Tuổi người vợ				*						662
40 trở xuống	25,1	42,4	32,5	24,9	19,2	55,9	45,0	22,7	32,3	291
41 trở lên	27,4	39,5	33,1	16,9	23,1	60,1	48,8	16,4	34,8	371
Học vấn người vợ	*									
Lớp 5-9	32,1	39,7	28,2	23,1	28,2	48,7	50,0	15,0	35,0	80
Lớp 10-12	28,2	44,9	26,9	22,4	18,7	58,9	44,6	23,2	32,2	276
Trung cấp+CD	22,0	33,1	44,9	20,9	22,7	56,4	51,1	14,3	34,6	133
ĐH trở lên	24,4	40,6	35,0	15,9	20,5	63,6	46,8	18,5	34,7	173
Khu vực sống							***			
Đô thị	26,8	41,7	31,5	21,1	22,9	56,0	47,7	23,3	29,0	386
Nông thôn	26,0	39,4	34,6	19,6	19,1	61,3	46,4	13,4	40,2	276
Đóng góp thu nhập				*			***			
Vợ nhiều hơn	30,0	37,0	33,0	29,9	20,7	49,4	54,6	21,3	24,1	108
Chồng nhiều hơn	24,9	42,1	33,0	19,2	16,9	63,8	50,0	12,6	37,4	262
Ngang nhau	26,5	40,9	32,7	18,2	25,3	56,5	41,8	24,3	33,9	292

Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$.

Nguồn: Kết quả khảo sát.

Kết quả phân tích cho thấy, có sự khác biệt theo tuổi người vợ trong phân công chăm sóc con giữa vợ và chồng với tỷ lệ cả hai làm chính cao hơn ở nhóm tuổi 41 trở lên, trong khi tỷ lệ người chồng tham gia chăm sóc con cao hơn ở nhóm 40 trở xuống. Có thể ở nhóm tuổi trẻ thường có con nhỏ nên người chồng tích cực tham gia việc chăm sóc con hơn.

Sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm học vấn chủ yếu diễn ra ở hoạt động dọn dẹp nhà cửa, trong đó tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng làm chính là cao hơn ở nhóm học vấn Trung cấp và

Cao đẳng trở lên, trong khi tỷ lệ người chồng tham gia cao nhất lại thuộc về nhóm người vợ có học vấn trung học cơ sở trở xuống. Điều này dường như ngược lại với giả định về mức độ nhận thức tăng lên ở nhóm học vấn cao hơn.

Sự khác biệt chủ yếu giữa các gia đình nông thôn và đô thị diễn ra ở hoạt động thay mặt gia đình làm việc với chính quyền. Tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng làm chính công việc này ở nông thôn là cao hơn, trong khi ở đô thị thì tỷ lệ người vợ làm chính lại cao hơn. Có thể ở khu vực đô thị, khả năng của người vợ trong

vấn đề này là cao hơn nên họ có thể làm độc lập công việc.

Có sự khác biệt đáng kể về tỷ lệ vợ hay chồng tham gia vào việc chăm sóc trẻ em và thay mặt gia đình làm việc với chính quyền giữa các gia đình theo sự đóng góp thu nhập của vợ và chồng. Tỷ lệ cả hai cùng làm chính cao nhất ở nhóm người chồng có đóng góp thu

nhập nhiều hơn, tiếp đó là nhóm cả hai có thu nhập ngang nhau. Trong khi đó, với nhóm người vợ có thu nhập cao hơn thì tỷ lệ người chồng tham gia chính là cao nhất, lý giải cho việc hợp lý hóa các công việc gia đình theo lý thuyết trao đổi xã hội. Khuôn mẫu tương tự cũng được thể hiện đối với công việc thay mặt gia đình làm việc với chính quyền.

BẢNG 4. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG GIỮA VỢ VÀ CHỒNG TRONG CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH

Các đặc điểm cá nhân và gia đình	Chồng tham gia Dọn dẹp nhà		Chồng tham gia Chăm sóc con		Vợ tham gia thay mặt gia đình với CQ	
	Tỷ số chênh	N	Tỷ số chênh	N	Tỷ số chênh	N
Tuổi người vợ						
40 trở xuống	0,9	243	1,2	245	1,1	291
41 trở lên (Nhóm so sánh)	1	347	1	308	1	371
Học vấn người vợ						
Lớp 5-9	1,0	78	0,6	78	0,8	80
Lớp 10-12	0,8	234	1,1	214	1,1	276
Trung cấp+CD	1,4	118	0,9	110	0,8	133
ĐH trở lên (Nhóm so sánh)	1	160	1	151	1	173
Khu vực sống						
Đô thị	0,9	336	0,8	323	0,9	386
Nông thôn (Nhóm so sánh)	1	254	1	230	1	276
Đóng góp thu nhập						
Vợ nhiều hơn	1,1	100	1,3	87	0,6*	108
Chồng nhiều hơn	0,9	233	1,6*	213	0,7*	262
Ngang nhau (Nhóm so sánh)	1	257	1	253	1	292
Nagelkerke R Square	0,014			0,029		0,019
N		590		553		662

Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát.

Để đánh giá vai trò của các yếu tố đối với sự tham gia của người vợ hay người chồng vào

các công việc, mô hình phân tích đa biến logistic được sử dụng. Ba biến phụ thuộc được

xây dựng căn cứ vào sự khác biệt so với mẫu hình truyền thống như đã nêu trên. Cụ thể, đối với công việc Dọn dẹp nhà cửa và Chăm sóc trẻ em, biến phụ thuộc là người chồng có tham gia (là người làm chính hay cả hai vợ chồng cùng làm chính); Đối với công việc thay mặt gia đình làm việc với chính quyền, khuôn mẫu truyền thống là thuộc về người chồng, vì vậy biến phụ thuộc sẽ là người vợ có tham gia làm chính (một mình hoặc cả hai vợ chồng cùng làm). Kết quả phân tích 3 mô hình logistic được trình bày ở Bảng 4.

Kết quả cho thấy, ở hai mô hình mà công việc truyền thống vốn do người vợ đảm nhiệm (dọn dẹp nhà cửa và chăm sóc trẻ em), các yếu tố đặc điểm của người vợ như độ tuổi, học vấn, sống ở đô thị hay nông thôn đều không tạo nên sự khác biệt có ý nghĩa về khả năng người chồng tham gia. Sự tương đồng giữa các nhóm xã hội là tương đối cao. Riêng đối với công việc chăm sóc trẻ em, điều lý thú là những gia đình mà người chồng có thu nhập nhiều hơn thì người chồng có nhiều khả năng tham gia công việc này hơn.

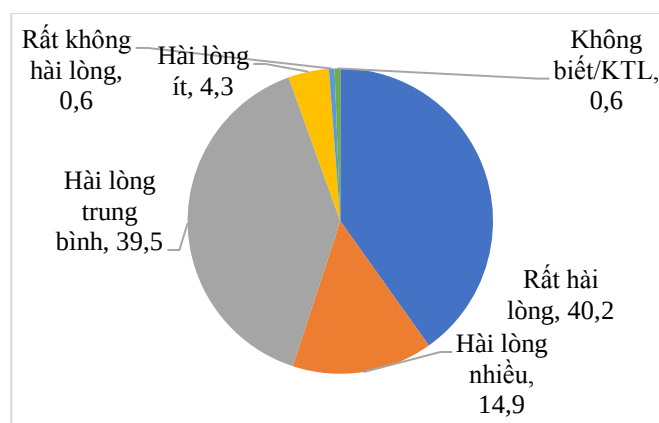
Đối với việc thay mặt gia đình trong quan hệ với chính quyền, các đặc điểm của người vợ về tuổi, học vấn hay nơi cư trú không tạo nên sự khác biệt về khả năng người vợ có tham gia làm chính. Tuy nhiên, đáng lưu ý là trong các gia đình mà người vợ và người chồng có thu nhập ngang nhau thì khả năng người vợ tham gia đại diện gia đình làm việc với các cơ quan chính quyền là cao hơn so với khi người chồng hoặc người vợ có thu nhập cao hơn.

Như vậy, sự phân công lao động theo giới trong các gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh cho thấy dường như giả thuyết từ lý thuyết trao đổi xã hội có thể giúp lý giải. Sự phân công lao động trong gia đình phụ thuộc nhiều vào tính hợp lý khi người vợ hay chồng có thu nhập cao hơn, vì vậy cần tập trung hơn cho

việc kiếm thu nhập thay vì tham gia vào công việc gia đình. Trong khi đó sự phân công lao động không bị tác động bởi các yếu tố như trình độ học vấn, độ tuổi, khu vực cư trú.

Phân tích sâu hơn cho thấy, cho dù vẫn mang khuôn mẫu giới rõ nét, đa số người trả lời hài lòng về sự phân công công việc như trên. Tỷ lệ hài lòng nhiều và rất hài lòng chiếm tới 55,4%. Tỷ lệ người hài lòng ít và rất không hài lòng rất thấp, phần còn lại là ở mức bình thường. Sự hài lòng về thực trạng phân công lao động nói trên cũng là một chỉ báo cho thấy sức nặng của định kiến giới truyền thống, quan niệm vai trò người vợ là đảm đương, biết thu vén các công việc nội trợ của gia đình. Điều này cũng được thể hiện qua một số phỏng vấn sâu đối với phụ nữ khi họ coi việc thực hiện các công việc nội trợ là trách nhiệm của mình và không tin là người chồng có thể làm tốt những công việc đó như họ.

BIỂU ĐỒ 1. MỨC ĐỘ HÀI LÒNG VỀ SỰ PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG TRONG GIA ĐÌNH



Nguồn: Kết quả khảo sát.

5. Kết luận

Phân tích bước đầu cho thấy, sự phân công lao động theo giới trong các gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng bình đẳng hơn so với khuôn mẫu chung của cả nước. Sự chia sẻ của cả hai vợ chồng đối với các công việc

vốn thuộc về giới này hay giới kia đã thể hiện khá rõ. Một số công việc vốn trước đây chủ yếu là do phụ nữ làm thì giờ đây đã có sự tham gia khá tích cực của người chồng như chăm sóc trẻ em hay người già (khoảng 80%) hay thậm chí một số việc trước đây hoàn toàn thuộc về người phụ nữ như đi chợ mua thức ăn và nấu ăn hàng ngày cũng đã có hơn 50% số người chồng tham gia. Sự khác biệt về thời gian làm việc nhà giữa vợ và chồng cũng ít hơn so với số liệu chung của toàn quốc. Thực tiễn phân công lao động trong gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh đang thể hiện tín hiệu tích cực, hướng đến việc thực hiện có hiệu quả mục tiêu phát triển bền vững quốc gia.

Tuy nhiên, truyền thống phân công lao động theo giới đối với các công việc gia đình còn được bảo lưu ở mức độ nhất định. Tính đặc thù theo giới tồn tại ở một số hoạt động như việc quản lý thu chi của gia đình hoặc đi chợ, nấu ăn (phụ nữ), thay mặt gia đình làm việc với chính quyền hay bảo trì, sửa chữa đồ dùng gia đình (nam giới). Chênh lệch về thời gian làm các công việc gia đình hàng ngày giữa nam và nữ vẫn còn khoảng 1 tiếng đồng hồ. Đáng quan tâm là đại bộ phận người trả lời hài lòng với cách thức phân công lao động hiện tại, điều này cho thấy sự bền vững về mặt văn hoá và tính ổn định kéo dài của khuôn

mẫu phân công lao động theo giới truyền thống.

Việc phân tích thực trạng phân công lao động theo giới đối với một vài hoạt động tương đối đặc trưng theo nhóm xã hội cho thấy tác động của lứa tuổi, học vấn, cũng như khu vực cư trú đến sự tham gia của chồng hay vợ vào các hoạt động về cơ bản là không đáng kể. Điều đó cho thấy sự tương đồng phổ biến trong các gia đình về khuôn mẫu phân công lao động theo giới. Tuy nhiên, vai trò của yếu tố thu nhập thể hiện rõ hơn. Những gia đình có vợ hay chồng đóng góp ngang nhau thì khả năng người vợ tham gia vào việc thay mặt gia đình làm việc với chính quyền cao hơn so với ở các gia đình mà vợ hay chồng có thu nhập cao hơn. Nói cách khác, trong bối cảnh của một địa phương phát triển như ở thành phố Hồ Chí Minh, độ tuổi trẻ hơn, học vấn cao hơn và ở khu vực đô thị chưa đủ sức tạo nên khác biệt có ý nghĩa về phân công lao động theo giới so với các nhóm đối chứng như đã từng phát hiện ở nghiên cứu trước (Nguyễn Xuân Thắng, 2019). Trong khi đó, yếu tố thu nhập của người vợ hay người chồng có ý nghĩa quan trọng trong việc giải thích sự phân công lao động của một số hoạt động, điều đó cho thấy sự hữu dụng của lý thuyết trao đổi trong việc lý giải những vấn đề này.

Tài liệu tham khảo

1. Ban vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới (Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh) (2020). *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và triển khai kế hoạch giai đoạn 2020-2030* (số 10/BC-BVSTBPNTTP ngày 20/4/2020).
2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, & Unicef. (2008). *Kết quả điều tra Gia đình Việt Nam 2006*. Hà Nội.
3. Goode, William J. (1963). *World Revolution and Family Patterns*. Glencoe, Free press.
4. Goode, William J. (1987). World revolution and family patterns: A retrospective view. *Family Forum*, The Official Newsletter of the American Sociological Association Family Section.
5. ISDS (2015). *Những yếu tố quyết định bất bình đẳng giới ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức.

6. Lê Thái Thị Băng Tâm (2008). Phân công lao động và ra quyết định trong gia đình. Chương 5 trong Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (chủ biên) 2008. Viện Khoa học xã hội Việt Nam 2007. Bình đẳng giới ở Việt Nam (Phân tích số liệu điều tra). Nxb Khoa học xã hội: Hà Nội, trang 142-173.
7. Nguyễn Hữu Minh. (2014). *Các quan hệ gia đình ở khu vực Bắc Trung bộ trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*. Báo cáo Tổng hợp đề tài cấp Bộ.
8. Nguyễn Hữu Minh. (2016). *Hôn nhân trong xã hội Việt Nam đương đại*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
9. Nguyễn Hữu Minh. (2020). Quan niệm và thực hành về phân công lao động theo giới trong gia đình đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam. *Tạp chí Dân tộc học*, Quyển 217 (số 1), tr. 80-90.
10. Nguyễn Xuân Thắng. (2019). *Xu hướng biến đổi của đặc điểm gia đình Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*. Báo cáo Tổng hợp đề tài cấp Bộ 2017-2018 thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì.
11. Schwartz, Mary Ann và Barbara Marlene Scott. (1994). *Marriage and Families: Diversity and Change*. Prentice Hall., Englewood Cliffs, New Jersey 07632.
12. Tổng cục Thống kê. (2020). Báo cáo kết quả Điều tra Lao động việc làm năm 2019.
13. Thủ tướng Chính phủ. (2010). *Quyết định Phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020*. Quyết định số 2351/QĐ/TTg, ngày 24 tháng 12 năm 2010.

Thông tin tác giả:**1. Nguyễn Hữu Minh, GS. TS.**

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới
- Email: minhnguyen.ifgs@gmail.com

Ngày nhận bài: 3/11/2020

Ngày nhận bản sửa: 9/2/2021

Ngày duyệt đăng: 9/3/2021

1. Nguyễn Thị Phương, TS.

- Đơn vị công tác: Phân hiệu Trường Đại học Nội vụ tại TP. Hồ Chí Minh.